

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi liên quan đến việc xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và cá nhân có liên quan về giáo dục và đào tạo; các cơ quan, đơn vị, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn

hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. *(Đính kèm Phụ lục)*

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành của địa phương.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này từ nguồn ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo phân cấp ngân sách.

Điều 3. Nghị quyết này bãi bỏ Mục III Phụ lục 1 ban hành kèm theo khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, ấp đặc biệt khó khăn; sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ chi tiêu ngành Giáo dục và Đào tạo; chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT *VT*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền
Trần Văn Huyền



PHỤ LỤC

Quy định nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực và tổ chức các kỳ thi cuộc thi học sinh giỏi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
A	Định mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm; tổ chức các kỳ thi phổ thông (kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp học, cấp tỉnh các môn văn hóa, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, kỳ thi nghề phổ thông), chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế			
I	Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm			
1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ soạn thảo, biên tập hoàn thiện câu trắc nghiệm	Theo quy định hiện hành về chế độ chi đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		
2	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Người/ngày		
a	Chủ trì	Người/ngày	280	
b	Thành viên	Người/ngày	250	
3	Tiền công soạn câu hỏi thô			
a	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	42	
b	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	36	
c	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	30	
d	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	21	
đ	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	6	
4	Tổ chức thi thử nghiệm	Thực hiện như đối với thi chính thức		
5	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Báo cáo/môn thi	600	
6	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
a	Chủ trì	Người/ngày	250	
b	Thành viên	Người/ngày	220	
II	Ra đề thi thử; In, sao đề thi; Coi thi; Chấm thi và các nội dung khác Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông			



1	Hội đồng/Ban ra đề thi thử			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	350	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	
c	Ủy viên ra đề tự luận (chính thức và dự bị)	Người/ngày	520	
d	Ủy viên ra đề trắc nghiệm (chính thức và dự bị)	Người/ngày	340	
đ	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	210	
e	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ	Người/ngày	120	
2	Hội đồng/Ban In, sao đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	340	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	
c	Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	210	
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	120	
đ	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	120	
e	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	210	
g	Chi phí tiền ăn, tiền giải khát giữa buổi (những người tham gia tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài)	Người/ngày	150- 220	
3	Ban chỉ đạo			
a	Trưởng ban	Người/ngày	85	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	85	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	85	
4	Hội đồng thi			
a	Chủ tịch	Người/ngày	350	
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	280	
c	Ủy viên	Người/ngày	210	
5	Ban thư ký			
a	Trưởng ban	Người/ngày	340	
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	
c	Ủy viên	Người/ngày	210	
6	Hội đồng/Ban coi thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	280	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	210	
c	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày	170	
d	Công an, Bảo vệ, Phục vụ	Người/ngày	110	
7	Ban/Tổ làm phách			
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	280	
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	210	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	210	
d	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ làm việc tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	110	
đ	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ làm việc vòng ngoài	Người/ngày	100	
e	Chi phí tiền ăn, tiền giải khát giữa buổi (những người tham gia tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài)	Người/ngày	150 - 220	
8	Hội đồng/Ban chấm thi, chấm phúc khảo,			

	chấm thẩm định bài thi tự luận, trắc nghiệm, thi nói, thi thực hành, thi tin học			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	340	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	250	
c	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	Người/ngày	210	
d	Nhân viên phục vụ, Công an, Bảo vệ	Người/ngày	120	
đ	Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Đợt	210	
9	Tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (nếu có)			
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	340	
b	Thành viên/Ủy viên đoàn thanh tra	Người/ngày	210	
c	Thanh tra độc lập	Người/ngày	280	
10	Đối với các đối tượng được phân công trực đêm để bảo vệ hội đồng sao in đề, giữ bài thi của Hội đồng (Điểm, Ban) coi thi, chấm thi theo quy định và ủy viên chấm bài thi tự luận			1,5 lần định mức được hưởng
III	Ra đề thi; In, sao đề thi; Coi thi; Chấm thi và nội dung chi khác các kỳ thi (kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp học, cấp tỉnh các môn văn hóa, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, kỳ thi nghề phổ thông), chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế			
1	Hội đồng/Ban ra đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	350	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	
c	Ủy viên ra đề tự luận (chính thức và dự bị)	Người/ngày	520	
d	Ủy viên ra đề trắc nghiệm (chính thức và dự bị)	Người/ngày	340	
đ	Ủy viên (không ra đề), thư ký	Người/ngày	210	
e	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ	Người/ngày	120	
2	Hội đồng/Ban In, sao đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	340	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	
c	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	210	
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	120	
3	Hội đồng/Ban coi thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	280	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	210	
c	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày	170	
d	nghiệm Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	110	
4	Hội đồng/Ban chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi tự luận, trắc nghiệm, thi nói, thi thực hành, thi tin học (nếu có)			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	340	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	250	
c	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	Người/ngày	210	



d	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ	Người/ngày	120	
đ	Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Đợt	210	
5	Tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (nếu có)			
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	340	
b	Thành viên/Ủy viên đoàn thanh tra	Người/ngày	210	
c	Thanh tra độc lập	Người/ngày	280	
6	Các chi phí khác			
a	Tiền công ban tổ chức/Ban chỉ đạo/thành viên tiểu ban	Người/ngày	85	
b	Tiền ăn cho thí sinh dự thi cấp tỉnh, cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	130	
c	Tiền nghỉ cho thí sinh dự thi cấp tỉnh, cấp khu vực, toàn quốc	Người/đêm	180	
d	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ, công chức, viên chức dẫn học sinh tham dự các kỳ thi cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	130	
đ	Tiền ăn cho học sinh đội tuyển cấp tỉnh ôn tập chuẩn bị tham dự các kỳ thi cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	90	
e	Tiền nghỉ cho học sinh đội tuyển cấp tỉnh ôn tập chuẩn bị tham dự các kỳ thi cấp khu vực, toàn quốc	Người/đêm	150	Áp dụng đối với những học sinh chuyển trường tập trung sang trường khác ôn tập
B	Định mức chi đối với các hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang			
I	Cấp tỉnh			
1	Hội đồng/Ban ra đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	170	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	150	
c	Ủy viên ra đề tự luận (chính thức và dự bị)	Người/ngày	330	
d	Ủy viên ra đề trắc nghiệm (chính thức và dự bị)	Người/ngày	170	
đ	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	120	
e	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ	Người/ngày	70	
2	Hội đồng/Ban In, sao đề thi			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	160	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	140	
c	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	120	
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	70	
3	Hội đồng/Ban coi thi			

a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	150	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	140	
c	Ủy viên, Thư ký, Giám thị, Thanh tra	Người/ngày	120	
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	70	
4	Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, chấm thăm định (nếu có) bài thi tự luận và trắc nghiệm (nếu có)			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	170	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	150	
c	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên, Thanh tra	Người/ngày	140	
d	Nhân viên phục vụ, Bảo vệ	Người/ngày	70	
5	Các chi phí khác			
a	Tiền công ban tổ chức/Ban chỉ đạo/thành viên tiểu ban	Người/ngày	85	
b	Tiền ăn cho thí sinh/vận động viên tham dự hội thi/hội thao cấp tỉnh, cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	130	
c	Tiền nghỉ cho thí sinh/vận động viên tham dự hội thi/hội thao cấp tỉnh, cấp khu vực, toàn quốc	Người/đêm	180	
d	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ, công chức, viên chức dẫn thí sinh/vận động viên tham dự các hội thi/hội thao cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	130	
đ	Tiền ăn cho học sinh/vận động viên đội tuyển cấp tỉnh ôn tập/tập luyện chuẩn bị tham dự các hội thi/hội thao cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	90	
e	Tiền nghỉ cho học sinh/vận động viên đội tuyển cấp tỉnh ôn tập/tập luyện chuẩn bị tham dự các hội thi/hội thao cấp khu vực, toàn quốc	Người/đêm	150	Áp dụng đối với những học sinh chuyển trường tập trung sang trường khác ôn tập/tập luyện
g	Hỗ trợ tiền ăn cho huấn luyện viên tham gia huấn luyện vận động viên cấp tỉnh chuẩn bị tham dự hội thao cấp khu vực, toàn quốc	Người/ngày	70	
II	Cấp huyện: Định mức chi bằng 70% cấp tỉnh			

- Mức thanh toán trên được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, hội thi, hội thao. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

- Căn cứ vào mức thanh toán nêu trên là định mức tối đa, tùy theo tình hình kinh phí để xây dựng định mức áp dụng chỉ cho phù hợp và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ nhưng phải đảm bảo cân đối trong nguồn tài chính của đơn vị./.